

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học nghề
học kỳ I cho học sinh – sinh viên và trợ cấp xã hội
Năm học 2014-2015

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ DUNG QUẤT

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ- LĐTBXH ngày 03/07/2009 của Bộ Trưởng Bộ lao động- Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ Dung Quất;

Căn cứ Quyết định số 978/QĐ- LĐTBXH ngày 01/07/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng nghề KTCN Dung Quất;

Căn cứ Quyết định 70/2008/QĐ- BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của bộ Trưởng Bộ lao động – Thương binh và Xã hội về việc học bổng khuyến khích học nghề;

Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ- LĐTB&XH ngày 24/12/2007 của bộ Trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ban hành quy chế công tác học sinh- sinh viên trong các cơ sở dạy nghề hệ chính quy;

Căn cứ thông tư 53/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25 tháng 8 năm 1998 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định 194/2001/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ nội dung biên bản cuộc họp Hội đồng Thi đua – Khen thưởng học sinh - sinh viên Trường Cao đẳng nghề KTCN Dung Quất ngày 16 tháng 6 năm 2015;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học nghề học kỳ I năm học 2014 – 2015 và trợ cấp xã hội từ năm học 2014-2015 cho những học sinh - sinh viên có tên sau: (có các danh sách kèm theo) với tổng số tiền là: **79.990.000 đồng** (Bảy mươi chín triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng), trong đó:

- Trợ cấp xã hội cho 09 HSSV là: 14.640.000 đồng.
- Cấp học bổng Khóa 11 cho 23 HSSV là: 19.250.000 đồng.
- Cấp học bổng Khóa 12 cho 28 HSSV là: 23.850.000 đồng.
- Cấp học bổng Khóa 13 cho 25 HSSV là: 18.850.000 đồng.
- Cấp bổ sung học kỳ II năm học 2013-2014 là: 3.400.000 đồng.

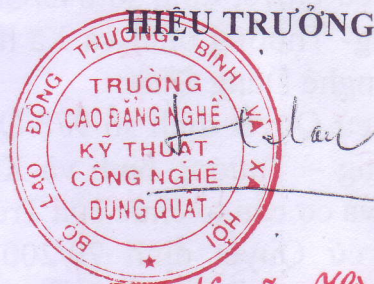
Điều 2. Học sinh – Sinh viên có tên ở Điều 1 được hưởng các chế độ và mức tiền trợ cấp theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng, Phòng – Khoa, các bộ phận liên quan, những học sinh - sinh viên có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu VT,CTHSSV.



TS. Nguyễn Hồng Cây



DANH SÁCH HSSV THUỘC ĐỘI TƯỢNG TRỢ CẤP XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số: 45 /QĐ-CDN, ngày 18 tháng 6 năm 2015)

TT	Họ	Tên	Lớp	Đối tượng	Tiền/tháng	Tiền/năm	Ghi chú
1	Đình Văn	Gỏi	CDDCN14A1	DTTS	140.000	1,680.000	
2	Hồ Văn	Quý	HAN12B2	DTTS	140.000	1,680.000	
3	Đình Văn	Gú	CDBCK14A1	DTTS	140.000	1,680.000	
4	Đình Văn	Se	CDBCK14A1	DTTS	140.000	1,680.000	
5	Đình Văn	Phuân	CDCNT14A1	DTTS	140.000	1,680.000	
6	Đình A	Vy	CDCNT14A1	DTTS	140.000	1,680.000	
7	Đình Văn	Chinh	CDCNT14A2	DTTS	140.000	1,680.000	
8	Đình Văn	Pho	CDHAN14A2	DTTS	140.000	1,680.000	
9	Huỳnh Văn Phúc	An	CDDCN14A1	Mồ côi	100.000	1,200.000	
Danh sách này gồm: 09 HSSV						14,640.000	

DANH SÁCH HSSV KHÓA 12 NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2014-2015



TT	Họ	Tên	N.Sinh	Lớp	Điểm	HB	Tiền/tháng	Tiền/kỳ	Ghi chú
1	Đỗ Quốc	Vương	12-11-1995	CDBCK13A1	8.2	Giỏi	170.000	850.000	
2	Đinh Văn	Đậu	24-07-1995	CDBCK13A1	8.1	Giỏi	170.000	850.000	
3	Phạm Hữu	Nam	30-05-1987	CDBCK13A1	8	Giỏi	170.000	850.000	
4	Phạm Đăng	Thuần	11-11-1995	CDBCK13A2	8	Giỏi	170.000	850.000	
5	Nguyễn Văn	Nhật	15-10-1994	BCK13B1	8	Giỏi	170.000	850.000	
6	Võ Phú	Tư	10-11-1998	CNT13B1	8.4	Giỏi	170.000	850.000	
7	Nguyễn Minh	Hiếu	01-04-1994	CDCNT13A1	8.3	Giỏi	170.000	850.000	
8	Trương Quang	Lượng	08-10-1994	CDCNT13A1	8.3	Giỏi	170.000	850.000	
9	Nguyễn Hữu	Toàn	24-06-1995	CDCGK13A1	8.4	Giỏi	170.000	850.000	
10	Trần Thanh	Hòa	03-09-1995	CDHAN13A1	9	Xuất sắc	200.000	1,000.000	
11	Huỳnh Quốc	Đuẩn	02-03-1994	CDHAN13A1	8.8	Giỏi	170.000	850.000	
12	Dương Duy	Dưỡng	27-07-1995	CDHAN13A1	8.4	Giỏi	170.000	850.000	
13	Hồ Chí	Tâm	02-03-1995	CDHAN13A1	8.3	Giỏi	170.000	850.000	
14	Dương Văn	Dục	22-01-1995	CDHAN13A1	8	Giỏi	170.000	850.000	
15	Lâm Vĩnh	Lộc	27-05-1990	CDDCN13A1	8.6	Giỏi	170.000	850.000	
16	Nguyễn Văn Hùng	Dũng	15-06-1985	CDDCN13A1	8.5	Giỏi	170.000	850.000	
17	Nguyễn	Thị	24-03-1995	CDDCN13A1	8	Giỏi	170.000	850.000	
18	Nguyễn Đức	Trọng	22-02-1995	CDDCN13A2	8	Giỏi	170.000	850.000	
19	Sơn Hoàng	Long	16-06-1995	CDDCN13A2	7.6	Khá	150.000	750.000	
20	Lữ Văn	Quang	19-06-1994	CDVHT13A2	8.5	Giỏi	170.000	850.000	

21	Phan Thị	Nữ	10-07-1992	CDVHT13A1	8.4	Giỏi	170.000	850.000	
22	Đoàn Võ Thành	Nhân	21-09-1995	CDVHT13A3	8.4	Giỏi	170.000	850.000	
23	Tô Hồng	Linh	20-01-1994	CDVHT13A1	8.3	Giỏi	170.000	850.000	
24	Trần Thị Mỹ	Ly	30-01-1995	CDVHT13A1	8.3	Giỏi	170.000	850.000	
25	Nguyễn Quốc	Việt	16-04-1993	CDVHT13A1	8.3	Giỏi	170.000	850.000	
26	Nguyễn Công	Hàng	02-12-1995	CDVHT13A3	8.3	Giỏi	170.000	850.000	
27	Nguyễn Trọng	Tự	08-11-1993	CDVHT13A1	8.2	Giỏi	170.000	850.000	
28	Nguyễn Thị	Yên	18-07-1992	CDVHT13A3	8.2	Giỏi	170.000	850.000	
23,850.000									

Danh sách này gồm: 28 HSSV./.



DANH SÁCH HSSV KHÓA 13 NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ I NAM HỌC: 2014-2015

TT	Họ	Tên	N.Sinh	Lớp	Điểm	HB	Tiền/tháng	Tiền/kỳ	Ghi chú
1	Huỳnh Anh	Lục	22-11-1993	CDCNT14A1	7.4	Khá	150.000	750.000	
2	Phạm Duy	Nhật	09-10-1996	CDCNT14A2	7.3	Khá	150.000	750.000	
3	Đỗ Phú	Thiên	15-03-1996	CDCNT14A2	7.2	Khá	150.000	750.000	
4	Võ Đức	Viên	29-06-1999	CNT14B1	7.1	Khá	150.000	750.000	
5	Nguyễn Văn	Thành	19-11-1990	CDBCK14A3	7.9	Khá	150.000	750.000	
6	Lê Chí	Tâm	01-01-1996	CDBCK14A3	7.3	Khá	150.000	750.000	
7	Võ Văn	Sang	14-10-1994	CDBCK14A2	7.2	Khá	150.000	750.000	
8	Bạch Ngọc	Tâm	20-10-1993	CDBCK14A1	7	Khá	150.000	750.000	
9	Phan Văn	Luyện	02-12-1995	CDBCK14A2	7	Khá	150.000	750.000	
10	Nguyễn Thái	Bình	25-04-1995	CDDCN14A2	7.5	Khá	150.000	750.000	
11	Trần Ngọc	Quỳnh	10-08-1990	CDDCN14A1	7.4	Khá	150.000	750.000	
12	Nguyễn Đình	Phúc	12-08-1992	CDDCN14A2	7.4	Khá	150.000	750.000	
13	Lê Hồng	Tường	20-02-1991	CDDCN14A2	7.3	Khá	150.000	750.000	
14	Lê Văn	Sang	21-11-1995	CDHAN14A2	7.8	Khá	150.000	750.000	
15	Trần Đức	Hải	19-06-1994	CDHAN14A1	7.6	Khá	150.000	750.000	
16	Đâu Tiên	Kha	22-12-1993	HAN14B1	7.5	Khá	150.000	750.000	
17	Phan Trung	Hiếu	08-09-1997	HAN14B1	7.3	Khá	150.000	750.000	
18	Huỳnh Tân	Hùng	01-02-1994	CDHAN14A1	7.2	Khá	150.000	750.000	
19	Nguyễn Duy	Phương	14-02-1995	HAN14B2	7.2	Khá	150.000	750.000	
20	Nguyễn Tân	Vũ	20-02-1996	CDHAN14A2	7.1	Khá	150.000	750.000	
21	Võ	Phi	16-01-1995	HAN14B2	7.1	Khá	150.000	750.000	
22	Ngô Thị	Phượng	01-06-1996	CDVHT14A2	8.1	Giỏi	170.000	850.000	
23	Dương Thị Hồng	Yên	17-05-1995	CDVHT14A2	7.9	Khá	150.000	750.000	
24	Trần Thị Phương	Thu	26-09-1996	CDVHT14A1	7.8	Khá	150.000	750.000	
25	Lê Thị	Vân	12-01-1995	MAY14B1	7.8	Khá	150.000	750.000	

Danh sách này gồm: 25 HSSV./.

18,850.000



BỘ SƯNG HSBKKNH KỶ II NĂM HỌC 2013-2014
(3 LỚP VẬN HÀNH TBCB DẦU KHÍ NGOÀI TRƯỜNG)

TT	Họ	tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm	HB	Tiền/Tháng	Tiền/5 tháng	Ghi chú
1	Võ Văn	Thái	20-06-1993	CDVHT13A4	8.1	GIOI	170.000	850.000	
2	Nguyễn Công	Hàng	02-12-1995	CDVHT13A4	8.0	GIOI	170.000	850.000	
3	Đoàn Võ Thành	Nhân	21-09-1995	CDVHT13A4	8.0	GIOI	170.000	850.000	
4	Phạm Võ Thanh	Thần	22-09-1995	CDVHT13A4	8.0	GIOI	170.000	850.000	
								3,400.000	

Danh sách này gồm: 4 HSSV./.



**DANH SÁCH HSSV KHÓA 11 NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ I
NAM HỌC: 2014-2015**

TT	Họ	Tên	N.Sinh	Lớp	Điểm	HB	Tiền/tháng	Tiền/kỳ	Ghi chú
1	Hồ Nhật	Nam	24-11-1994	CDBCK12A1	8.6	Giỏi	170.000	850.000	
2	Nguyễn Anh	Viên	25-10-1993	CDBCK12A1	8.3	Giỏi	170.000	850.000	
3	Nguyễn Văn	Thanh	07-01-1994	CDCGK12A1	8.3	Giỏi	170.000	850.000	
4	Hồ Duy	Vương	10-06-1994	CDCGK12A1	8.1	Giỏi	170.000	850.000	
5	Đỗ Văn	Ba	26-03-1989	CDCGK12A1	8	Giỏi	170.000	850.000	
6	Cao Bá	Điểm	22-10-1994	CDCGK12A1	7.8	Khá	150.000	750.000	
7	Nguyễn Xuân	Hữu	15-11-1994	CDCNT12A1	8.7	Giỏi	170.000	850.000	
8	Huỳnh Ngọc	Sang	24-02-1994	CDCNT12A1	8.3	Giỏi	170.000	850.000	
9	Bùi Văn	Cảnh	10-08-1994	CDCNT12A1	8	Giỏi	170.000	850.000	
10	Huỳnh Văn	Phong	14-08-1992	CDHAN12A1	9.3	Xuất sắc	200.000	1,000.000	
11	Trịnh Hồng	Hà	25-01-1994	CDHAN12A1	9.1	Xuất sắc	200.000	1,000.000	
12	Nguyễn Văn	Hoanh	10-12-1994	CDHAN12A1	8.8	Giỏi	170.000	850.000	
13	Trần Văn	Nơ	20-01-1992	CDHAN12A1	8.8	Giỏi	170.000	850.000	
14	Bùi Văn	Việt	12-04-1993	CDHAN12A1	8.8	Giỏi	170.000	850.000	
15	Phạm Hồng	Quốc	24-11-1994	CDHAN12A1	8.6	Giỏi	170.000	850.000	
16	Phạm	Trọng	08-01-1993	HAN12B1	8.6	Giỏi	170.000	850.000	
17	Lê Anh	Vũ	24-06-1994	CDDCN12A1	7.9	Khá	150.000	750.000	
18	Nguyễn Hữu	Thương	03-01-1994	CDDCN12A1	7.8	Khá	150.000	750.000	
19	Đặng Xuân	Tinh	26-06-1993	CDDCN12A1	7.8	Khá	150.000	750.000	
20	Mai Văn	Tường	02-08-1997	DCN12B1	7.8	Khá	150.000	750.000	
21	Nguyễn Minh	Thức	08-09-1994	CDDCN12A1	7.7	Khá	150.000	750.000	
22	Lê Thanh	Nam	21-10-1993	CDVHT12A1	8.5	Giỏi	170.000	850.000	
23	Trần Hoàng	Lâm	21-07-1994	CDVHT12A1	8.2	Giỏi	170.000	850.000	

Danh sách này gồm: 23 HSSV /.

19,250.000